

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2024

V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:

Bà: Trần Thị Nguyệt - Kiểm sát viên. (Vắng mặt).

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Th, sinh năm: 1977

Trú tại: Thôn T, xã A, huyện B, Thanh Hoá.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Ngân Văn Q, sinh năm: 1971

Trú tại: Thôn T, xã A, huyện B, Thanh Hoá.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2024, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Th trình bày: Chị và anh Q quen nhau qua điện thoại được khoảng 02 tháng thì tự nguyện về chung sống với nhau, gia đình anh Q mới xuống nhà chị chơi nhà, không tổ chức cưới chỉ, sau đó đi đăng ký kết hôn tại UBND xã A ngày 16/9/2020. Vợ chồng về chung sống không đầy 3 tháng, chị ở với anh Q được 01 cái tết năm 2021, ngày tết anh Quynh cũng bạo lực, chửi mắng, vợ chồng lời qua tiếng lại, lời lẽ không tôn trọng nhau, chị thấy anh Q rượu chè, không chịu khó làm ăn nên không chung sống nữa, vì vậy từ khoảng tháng 2/2021 chị đi làm ăn vợ chồng đã ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị không còn tình cảm với anh Q, vợ chồng chỉ còn vướng nhau mỗi giấy đăng ký kết hôn, vì vậy chị có nguyện vọng được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q không có con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị và anh Q không có tài sản và công nợ chung

Anh Q tại biên bản lấy lời khai ngày 03/5/2024 trình bày: Anh biết đọc, biết viết nhưng anh viết kém nên anh đề nghị Toà án lấy lời khai. Anh và chị Th quen nhau qua điện thoại do bạn bè giới thiệu, tìm hiểu nhau hơn 01 năm thì tiến tới hôn nhân, không tổ chức cưới chỉ làm vài mâm cơm ra mắt anh em họ hàng và đăng ký kết hôn ngày 16/9/2020 tại UBND xã A. Chị Th về ở với anh được hết cái tết năm 2021, sau đó vợ chồng cùng đi làm trong miền Nam, tuy nhiên do công việc của anh không ổn định nên anh về trước, chị Th ở lại, sau khi anh về thì chị Th đột nhiên cắt đứt liên hệ với anh, không về ở với anh nữa, đã 03 năm nay vợ chồng không chung sống. Nay chị Th yêu cầu ly hôn, anh xét thấy ai cũng đã có tuổi nên suy nghĩ lại để về đoàn tụ nương tựa nhau tuổi già vì vậy anh không đồng ý ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị Th đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng anh Q không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Q. Chị Th, anh Q đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn, biên bản làm việc và toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và căn cứ điều 227, điều 228, điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th và anh Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vắng mặt tại phiên tòa

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Th và anh Q đều cư trú sinh sống ở huyện B, tỉnh Thanh Hóa, vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND huyện B được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện B vắng mặt. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và đại diện VKS theo quy định tại các Điều 227, 228 và Điều 232, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị Th và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A ngày 16/9/2020 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do mâu thuẫn vợ chồng nên từ năm 2021 chị Th và anh Q đã ly thân, quá trình ly thân không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 -Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Th được ly hôn anh Q.

[4] Về con chung: Chị Thuong và anh Q không có con chung.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị Th, anh Q không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 232 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Th được ly hôn anh Ngân Văn Q.

Về con chung: Chị Bùi Thị Th và anh Ngân Văn Q không có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Th, anh Q không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số: AA/2022/0005950 ngày 02/5/2024. Chị Th đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Văn Nga

